

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 239/TTr-SNNMT ngày 28/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế một phần các Quyết định sau của Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Thay thế số thứ tự 2 ý X, mục A - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Thay thế toàn bộ ý I, phần A - Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Thay thế số thứ tự 3 ý VII, mục I, phần A - Thủ tục hành chính cấp tỉnh; thay thế toàn bộ ý VI, phần B - Thủ tục hành chính cấp huyện; thay thế toàn bộ ý II, phần C - Thủ tục hành chính cấp xã tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa) lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ NN&MT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- TT BC&TT TP HP, CĐ ANHP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

DANH MỤC
CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (06 TTHC)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích			
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (02 TTHC)										
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 TTHC)										
1	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Công nghệ cao số 28/2008/QH12 ngày 13/11/2008; - Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015; - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.		
1.1		Trường hợp hồ sơ hợp lệ	30 ngày làm việc								
1.2		Trường hợp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	65 ngày làm việc								
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)										
1	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018; Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.		
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (02 TTHC)										
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 TTHC)										
1	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc	05 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm/Chi cục Thủy	150.000 đồng		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 05/2007/QH12 ngày	02 đơn vị thực hiện: - Chi cục Trồng trọt và Kiểm	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
		gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát hành		sản, Chăn nuôi và Thú y					21/11/2007; - Các Nghị định: số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007; số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Các Thông tư: Số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020; - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	lâm - Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y
II LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)										
1	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 21/5/2024. - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	
C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN (01 TTHC)										
I LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)										
1	1.003605	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	60 ngày	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018;	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
								kết quả	-Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	
D	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ (01 TTHC)									
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)									
1	1.003596	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	60 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; -Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	